TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2020/HNGD-ST Ngày: 31-8-2020 V/v tranh chấp "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Nghiệp

Ông Đàm Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2020 đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hoàng Văn B**, sinh ngày 05/4/1992; Địa chỉ: Đồn Biên phòng T, huyện H, tỉnh C. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Bà **Đặng Thị K**, sinh ngày 01/12/1995; Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C (Được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2020, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn B trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà K về chung sống với nhau từ năm 2013, hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ông bà sống chung với bố mẹ ông tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C. Năm 2014 ông đi nghĩa vụ quân sự, bà K sống với bố mẹ ông, bà K có nhiều

hành động làm bố mẹ ông không hài lòng. Mâu thuẫn trong cuộc sống chung của ông bà phát sinh từ đầu năm 2015 khi ông đang là chiến sỹ ở Đồn Biên phòng của khẩu quốc tế TL, huyện P (nay là huyện Q), tỉnh C, ông nhận thấy bà K có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác và bà K có thừa nhận với ông về vấn đề này. Bà K có xin ông tha thứ và ông đã bỏ qua, nhưng sau đó bà K vẫn không thay đổi. Đến năm 2016, bà K gọi gia đình đến gặp mặt làm bản cam kết thỏa thuận về việc hai vợ chồng ông bà không sống chung nữa; ông bà sống ly thân từ đó. Năm 2017, ông muốn hàn gắn lại tình cảm với bà K, ông đã gọi bà K đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh C. Tuy nhiên, sau khi đăng ký kết hôn bà K vẫn không về sống tại nhà ông, ông bà vẫn sống ly thân, ông xác định tình cảm của mình dành cho bà K không còn nên yêu cầu được ly hôn.

* Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Hoàng Văn Đ, sinh ngày 10/4/2014. Hiện nay cháu đang sống cùng với ông bà nội tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn bà Đặng Thị K trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông B về chung sống với nhau từ năm 2013. Ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh C. Năm 2015 bà và ông B xảy ra mâu thuẫn khi ông B dẫn người phụ nữ khác về nhà trong khi bà vẫn đang ở nhà ông B cùng bố mẹ ông B, do có sự hòa giải của gia đình nên ông bà vẫn hòa thuận với nhau. Tuy nhiên, ông B không thay đổi tính cách nên hai bên gia đình có làm biên bản cam kết vào ngày 13/02/2016 về việc ông bà không phải là vợ chồng, không sống chung với nhau nữa. Từ thời điểm làm bản cam kết ông bà đã sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông bà không liên lạc với nhau. Tại biên bản lấy lời khai bà không đồng ý ly hôn vì bà thương con.

* Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Hoàng Văn Đ, sinh ngày 10/4/2014. Hiện nay cháu đang sống cùng với ông bà nội tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C. Vì thương con nên bà không muốn ly hôn.

* Về tài sản: Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

* Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, niêm yết công khai nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn B được ly hôn bà Đặng Thị K

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 10/4/2014 cho ông Hoàng Văn B nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành, bà K không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Ông B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ông Hoàng Văn B yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với bà Đặng Thị K, bà K có địa chỉ và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về sự vắng mặt của bà Đặng Thị K: Từ khi thụ lý vụ án, bà K có viết bản tự khai và được lấy lời khai. Tuy nhiên khi Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa thì bà K không có mặt tại địa phương nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà K không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Kiều là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn B và bà Đặng Thị K về chung sống với nhau từ năm 2013. Ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh C vào năm 2017. Cuộc sống chung của ông bà có mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Từ khi đăng ký kết hôn ông bà vẫn sống ly thân, trong thời gian sống ly thân ông bà không hề có hành động nào thể hiện sự nỗ lực níu kéo tình cảm, ai biết bổn phận của người đó. Ông B yêu cầu được ly hôn với bà K, tại biên bản lấy lời khai bà K thừa nhận trong thời gian sống ly thân ông bà không thường xuyên liên lạc, không níu kéo hàn gắn lại tình cảm nhưng vì thương con nên bà không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng cuộc sống hôn nhân của ông B và bà K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc ông Bào có yêu cầu được ly hôn là chính đáng nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Hoàng Văn Đ, sinh ngày

10/4/2014. Hiện nay do đặc thù công việc của ông B nên cháu đang sống cùng với ông bà nội tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông B là chính đáng và cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn ông Hoàng Văn B phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B; Ông Hoàng Văn B được ly hôn bà Đặng Thị K.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 10/4/2014 cho ông Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà K không cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được phép cản trở.

3. Về án phí: Ông Hoàng Văn B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hoàng Văn B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001544 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Ông B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKS huyện Bảo Lạc;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lạc;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thùy Ngân